**KẾ HOẠCH BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

 **Trường: THCS Yên Tân**

 **Tổ: KHTN**

**Tiết 34+ 35: Tên bài kiểm tra: Kiểm tra giữa kì I**

**Bộ sách: Cánh diều Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

1. Về năng lực

Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.

Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.

Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian trong một số trường hợp đơn giản.

Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian.

Dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.

Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật

Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.

Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.

Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.

Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.

Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.

Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái,màu sắc, tính tan,...).

Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.

Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.

Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:

+ Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);

+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;

+ Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ..);

Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất.

Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực – thực phẩm.

2. Về phẩm chất:

- Phát triển phẩm chất trách nhiệm và trung thực cho học sinh.

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên: Chuẩn bị đề kiểm tra

2. Học sinh:Ôn tập các nội dung đã học

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút/45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**1. Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: Tuần 9

- Thời gian làm bài:60 phút

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp trắc nghiệm(40%) và tự luận(60%)

- Cấu trúc:

- Mức độ đề:40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng thấp, 10% vận dụng cao

- Phần trắc nghiệm: 4 điểm ( gồm 16 câu, trong đó có 11 câu nhận biết, 5 câu thông hiểu, mỗi câu 0,25 điểm)

- Phần tự luận: 6 điểm (nhận biết: 1,25 điểm, thông hiểu: 1,75 điểm, vận dụng: 2 điểm, vận dụng cao: 1 điểm)

- Khung ma trận:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu****( số ý)** | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| **Chủ đề 1: Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn trong phòng thực hành** | **1** | **3** | **2** | **1** | **1** |  |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề 2: Các phép đo** |  | **3** |  | **2** | **4** |  | **4** |  |  |  |  |
| **Chủ đề 3: Các thể của chất** | **2** | **2** | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề 4: oxygen và không khí** | **1** | **1** | **1** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực- thực phẩm.** | **1** | **2** | **3** | **1** | **2** |  |  |  |  |  |  |
| **Số câu (số ý)** | **5 ý** | **11 câu** | **7 ý** | **5 câu** | **8 ý** |  | **4 ý** |  | **24 ý** | **16 câu** |  |
| **Điểm số** | **1,25** | **2,75** | **1,75** | **1,25** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

**2. Bản đặc tả:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung (1)** | **Mức độ (2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **Số ý TL/ số câu hỏi TN (4)** | **Câu hỏi (5)** |
|  |  |  | TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Sốcâu) |
| ***1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo, an toàn thực hành (7 tiết)*** | **4** | **4** |  |  |
| * Giới thiệu về khoa học tự nhiên
* Một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành
 | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên |  | **1** |  | **C1** |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | **1** |  | **C4** |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | **1** |  | **C2** |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. | **1** |  | **C1** |  |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. | **2** |  | **C2** |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | **1** |  | **C3** |
| **Vận dụng****1tl** | – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. | **1** |  | **C3** |  |
|  | – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| ***2. Các phép đo (10 tiết)*** |
| * Đo chiều dài, khối lượng, thời gian
* Đo nhiệt độ
 | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng của một vật, thời gian, nhiệt độ. |  | **2** |  | **C5, C6** |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  | **1** |  | **C7** |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. |  | **1** |  | **C8** |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | **1** |  | **C9** |
| **Vận dụng** | – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* | **4** |  | **C4** |  |
| **Vận dụng cao**  | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | **4** |  | **C5** |  |
| ***3. Các thể của chất (5 tiết)*** |
| * Sự đa dạng của chất
* Tính chất và sự chuyển thể của chất
 | **Nhận biết** | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| * Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.
 |  | **1** |  | **C10** |
| - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  | **1** |  | **C11** |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi | **2** |  | **C6** |  |
| - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. | **1** |  | **C7** |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| ***4. Oxygen và không khí (3 tiết)*** |
| * Oxygen và không khí
 | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...) |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  | **1** |  | **C12** |
| - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). | **1** |  | **C10** |  |
| - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
|  | - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
|  | - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  | **1** |  | **C15** |
| - Nêu được VD chứng tỏ thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). | **1** |  | **C10** |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| ***5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực- thực phẩm (7 tiết)*** |
| * Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu thông dụng.
* Một số lương thực- thực phẩm thông dụng
 | **Nhận biết** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... | **1** |  | **C8** |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| -Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất |  | **1** |  | **C14** |
| -Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  | **1** |  | **C13** |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm. | **3** | **1** | **C8** | **C16** |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng. | **2** |  | **C9** |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |

**3.** **Đề kiểm tra**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS YÊN TÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 – 2023Môn: KHTN 6**Thời gian làm bài: 60 phút |

**I. Trắc nghiệm. (4 điểm).**

**Câu 1**.Người chuyên nghiên cứu khoa học tự nhiên được gọi là

A. nhà sinh học. B. nhà khoa học. C. kĩ thuật viên. D. nghiên cứu viên.

**Câu 2**.Ý nào dưới đây không phải là vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

A. Mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế.

B. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

C. Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người.

D. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị.
**Câu 3**. Con gà đẻ trứng là thể hiện dấu hiệu nào của vật sống?

A. Thải bỏ chất thải B. Vận động C. Sinh sản D. Lớn lên
**Câu 4**. Để lấy 2ml nước cất, nên sử dụng dụng cụ nào dưới đây là thích hợp nhất?

A. Cốc đong có dung tích 50ml B. Ống pipet có dung tích 5ml

C. Ống nhỏ giọt có dung tích 1ml D. Ống nghiệm có dung tích 10 ml

**Câu 5.** Đơn vị đo khối lượng được qui ước là

1. m **B.** h **C.** kg **D.** ml

**Câu** **6.** Để xác định thành tích của vận động viên chạy 100 m người ta phải sử dụng loại đồng hồ nào sau đây?

**A.** Đồng hồ quả lắc. **B.** Đồng hồ hẹn giờ.

**C.** Đồng hồ bấm giây. **D.** Đồng hồ đeo tay.

**Câu** **7.** Nhiệt kế(thường dùng) hoạt động dựa trên

 A. sự nở vì nhiệt của chất rắn.  B. sự nở vì nhiệt của chất lỏng.

C. sự nở vì nhiệt của chất khí. D. cả 3 phương án trên

**Câu 8:** Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

A. lựa chọn thước đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.

C. đọc kết quả đo chính xác. D. đặt vật đo đúng cách.
**Câu 9.** Nhiệt kế thủy ngân không thế đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?

A. Nhiệt độ của nước đá. B. Nhiệt độ cơ thể người.

C. Nhiệt độ khí quyển. D. Nhiệt độ của một lò luyện kim.

**Câu 10**. Sự chuyển từ thể hơi sang thể lỏng được gọi là

A. sự ngưng tụ. B. sự bay hơi. C. sự đông đặc D. sự nóng chảy.

**Câu 11**. Không khí quanh ta có đặc điểm gì?

A. Không có hình dạng và thể tích xác định.

B. Có hình dạng và thể tích xác định.

C. Có hình dạng xác định, không có thể tích xác định.

D. Không có hình dạng xác định, có thể tích xác định.

**Câu 12**. Khi đun bếp lò luôn phải khơi thoáng, quạt hoặc thổi mạnh để

A. tăng thêm lượng oxygen. B. làm ngọn lửa nhỏ đi.

C. thêm chất cháy. D. thêm nhiệt.

**Câu 13**. Việc làm nào nên thực hiện khi sử dụng các đồ vật bằng gỗ?

A. Đặt các vật sắc nhọn trên bề mặt. B. Cho tiếp xúc nhiều với nước.

C. Để trong môi trường khô thoáng. D. Dùng các chất tẩy rửa mạnh để lau bề mặt.

**Câu 14**. Sản phẩm nào dưới đây chứa nhiều tinh bột?

A. Gạo. B. Trứng. C. Rau xanh. D. Dầu ăn.

**Câu 15.** Lí do nào dưới đây **không phải** là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí?

A. Khí thải từ các hoạt động công nghiệp và hoạt động xây dựng.

B. Khí thải từ các hoạt động nông nghiệp.

C. Khí thải từ các phương tiện giao thông.

D. Khí tạo ra từ quá trình quang hợp của cây xanh.
**Câu 16.** Con dao làm bằng thép sẽ không bị gì nếu

A. cắt chanh rồi không rửa. B. sau khi dùng, rửa sạch, lau khô.

C. dùng xong, cất đi ngay. D. ngâm trong nước lâu ngày.

**II. Tự luận (6điểm)**

**Câu 1**. Nếu muốn quan sát các loại gân lá, em nên sử dụng loại kính nào?

**Câu 2**. Viết tên lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên nghiên cứu mỗi đối tượng sau.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tượng nghiên cứu** | **Lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên** |
| a. Sinh vật và sự sống trên Trái Đất |  ………………………………………… |
| d. Vật chất, năng lượng và sự biến đổi của chúng trong tự nhiên |  …………………………………………. |

**Câu 3**. Kí hiệu trong hình 1 thể hiện điều gì?

Hình 1

**Câu 4**. Dùng thước học sinh để đo chiều rộng của tờ giấy kiểm tra và ghi lại kết quả và thao tác đo?

**Câu 5 (1đ)** Một học sinh tiến hành đo chiều dài của một chiếc lá như trong hình 2. Hãy chỉ ra các lỗi (nếu có) trong phép đo này và sửa lại cho đúng?

 **Hình 2**

**Câu 6**. Mỗi trường hợp sau diễn ra quá trình chuyển thể nào?

a) Đun chảy một mẩu nến.

b) Sương đọng trên lá cây.

**Câu 7.** Dựa vào đặc điểm nào của chất lỏng mà ta có thể bơm xăng vào các bình chứa có hình dạng khác nhau?

**Câu 8**. - Hãy kể tên một số vật dụng bằng thủy tinh ở gia đình em. Em cần lưu ý gì khi sử dụng chúng?
- Nêu điểm giống nhau về tính chất của thủy tinh và gốm?
**Câu 9:**Hãy đề xuất phương án kiểm chứng xăng nhẹ hơn nước và không tan trong nước?
**Câu 10**
a. Dựa vào hình 7.3, em hãy nêu thành phần của không khí.


b. Hiện tượng nào trong thực tiễn chứng tỏ không khí có chứa hơi nước?

**4.** **Hướng dẫn chấm và biểu điểm.**

**I. Trắc nghiệm:** Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| B | D | C | B | C | C | B | C | D | A | A | A | C | A | D | B |

**II. Tự luận:**

**Câu 1. 0,25đ** Nếu muốn quan sát các loại gân lá em dùng kính lúp.

**Câu 2. 0.5đ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tượng nghiên cứu** | **Lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên** |
| a. Sinh vật và sự sống trên Trái Đất | Sinh học |
| d. Vật chất, năng lượng và sự biến đổi của chúng trong tự nhiên | Vật lí |

**Câu 3. 0,25d**

 Hình 1 thể hiện chất dễ cháy

**Câu 4.** (**1đ**) mỗi ý đúng 0,25điểm

Thực hiện theo các bước đo:

+ Đặt thước đo dọc theo chiều dài cần đo của vật

+ Sao cho một đầu của vật thẳng với vạch số 0 của thước

+ Cần đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh thước ở đầu còn lại của vật.

+ Kết quả đo, được ghi theo vạch ở thước gần nhất với đầu còn lại của vật.

 Kết quả: Chiều rộng: 21cm
**Câu 5.** (**1đ**) mỗi ý đúng 0,25điểm

- Lỗi không đúng:

+ Cách đặt thước

+ Cách đặt mắt

- Sửa lại:

+ Ta cần đặt thước dọc theo chiều dài chiếc lá, từ cuống lá đến ngọn lá, vạch số 0 của thước ngang với cuống lá

+ Mắt phải nhìn vuông góc với vạch chia của thước.

**Câu 6. 0,5đ**

a) Đun chảy một mẩu nến: Nến ở thể rắn, bị đun chảy và chuyển thành thể lỏng => Quá trình nóng chảy

b) Sương đọng lại trên lá cây: Hơi nước gặp lạnh, ngưng tụ lại thành giọt nước trên lá cây => Quá trình ngưng tụ.

**Câu 7. 0,5đ**Xăng là chất lỏng. Mà chất lỏng không có hình dạng xác định chỉ có hình dạng của vật chứa nó. Do đó ta có thể bơm xăng vào các bình chứa có hình dạng khác nhau.
**Câu 8. 1đ** mỗi ý đúng 0,25điểm

- Một số vật dụng bằng thủy tinh: cốc, bát, ly rượu, bình hoa, bóng đèn …

- Một số lưu ý khi sử dụng các vật dụng bằng thủy tinh:

  + Do các đồ bằng thủy tinh dễ vỡ; và khi vỡ có thể gây thương tích vì vậy cần cẩn thận khi sử dụng chúng.

  + Ngoài ra, nên dùng vải mềm để lau chùi các vật dụng bằng thủy tinh, tránh dùng các vật cứng, sắc, nhọn đè lên.
- Điểm giống nhau về tính chất của thủy tinh và gốm: cứng và bền với môi trường.

**Câu 9. 0.5đ**- Nhỏ một vài giọt xăng vào cốc nước, lắc mạnh sau đó để yên quan sát.

- Hiện tượng: Xăng và nước tách thành hai lớp, xăng ở phía trên. Điều đó chứng tỏ, xăng không tan và nhẹ hơn nước.

 **Câu 10: 0.5đ**

- Thành phần của không khí bao gồm nitơ (nitrogen); khí oxi (oxygen); hơi nước, khí carbon dioxide, khí hiếm và các khí khác.

- Một số hiện tượng chứng minh:

Vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa đông, trời lạnh, ta sẽ thấy hiện tượng sương mù.

Hoặc Hiện tượng có xuất hiện những giọt nước nhỏ, trên mặt ngoài của thành cốc nước lạnh để trong không khí.

**5. Phụ lục (nếu có)**

**6. Nhận xét**